NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM PHÙ HỢP VỚI PHÁP LUẬT QUỐC TẾ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

ĐINH NGỌC VƯỢNG(*)

Trong bài viết này tác giả phân tích mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam trong quá trình điều chỉnh pháp luật Việt Nam cho phù hợp với pháp luật quốc tế; đồng thời đưa ra một số kiến nghị về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế: pháp luật quốc tế phải trở thành bộ phận cấu thành của pháp luật Việt Nam; công dân Việt Nam có quyền viện dẫn trực tiếp các điều khoản của điều ước quốc tế để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình; hạn chế việc ban hành các nghị định độc lập của Chính phủ; cần coi án lệ là nguồn luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức thực thi pháp luật; cần xây dựng một website, đăng tải tất cả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là bên tham gia, để bất cứ ai cũng có thể tiếp cận được một cách dễ dàng.

1. Nghĩa vụ thực hiện điều ước quốc tế với nguyên tắc "*Pasta Sunt Servanda*"

Công ước Vienna 1969 về Luật điều ước quốc tế(**) đã pháp điển hóa và phát triển hàng loạt các quy phạm vốn là tập quán quốc tế trong lĩnh vực điều ước quốc tế. Điều 1 của Công ước quy định rõ: *Điều ước là thuật ngữ dùng để chỉ một thoả thuận quốc tế giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế và được thể hiện trong một hoặc nhiều văn kiện có quan hệ với nhau và có thể có bất kỳ một tên gọi nào đó (công ước, hiệp ước, hiệp định v.v...).*

Ngày 10/10/2001 Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Công ước Vienna 1969 về Luật điều ước quốc tế. Công ước Vienna năm 1969 về Điều ước quốc tế đã khái quát hóa nguyên tắc này như sau: *"Mỗi điều ước khi có hiệu lực sẽ có giá trị ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia nó và các bên cần phải nghiêm chỉnh thực hiện"*. Trong pháp

(**) Vấn đề pháp điển luật điều ước quốc tế được thảo luận khá sớm, song chỉ trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc tới năm 1969 mới soạn thảo và thông qua được Công ước Vienna về Luật điều ước quốc tế và mãi đến năm 1980 Công ước này mới có hiệu lực.

(*) PGS., TS. Viện Nhà nước và Pháp luật

luật quốc tế có một nguyên tắc cơ bản đã hình thành rất sớm, nguyên tắc "Pasta Sunt Servanda" (có nghĩa là "Các cam kết quốc tế cần phải được thực hiện một cách nghiêm chỉnh và có thiện chí"). Thực hiện thực chất, trung thực có nghĩa là quốc gia có nghĩa vụ bằng mọi biện pháp cần thiết thực hiện tất cả các quy định của điều ước phù hợp với mục đích và nguyên tắc của nó trong hoạt động của mình. Nguyên tắc Pasta Sunt Servanda đòi hỏi các bên phải tôn trọng tất cả các quy phạm tập quán quốc tế đã được công nhận chung trong việc thực thi các nghĩa vụ điều ước. Cuối cùng, một nhân tố quan trọng của nguyên tắc Pasta Sunt Servanda là việc không thực hiện một quy định nào đó của điều ước này phải dựa trên cơ sở của pháp luật quốc tế. Công ước Vienna năm 1969 cũng quy định rõ việc các bên tham gia điều ước quốc tế không có quyền viện dẫn luật nước mình (trật tự công cộng nước mình hoặc chưa có quy định trong nước) như một lý do để không thực hiện điều ước quốc tế.

Từ năm 1955 đến nay, Việt Nam đã ký kết 1.082 điều ước quốc tế về kinh tế - thương mại, trong đó 700 điều ước quốc tế hiện còn hiệu lực về thương mại, nông nghiệp, công nghiệp, hàng hải, hàng không, đường bộ, đường sắt, lao động, hợp tác nghề cá và phát triển thủy sản, du lịch, y tế, tài chính, tín dụng, khuyến khích và bảo hộ đầu tư, tránh đánh thuế hai lần và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Các điều ước quốc tế này đã góp phần tăng cường và mở rộng các quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt, đặc biệt là đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, tăng cường hợp tác thương mại, thu hút vốn đầu tư, cũng như những nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Ngày 14/6/2005 Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/1/2006(*). Có thể nói đây là văn bản pháp luật quan trọng quy định rõ việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc ban hành luật có ý nghĩa quan trọng. Luật đã thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện khuôn khổ pháp luật phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ ngoại lực và phát huy tối đa nội lực để xây dựng và phát triển đất nước. Mặt khác, Luật góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp luật đồng bộ, với những quy định đầy đủ, chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục về ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế của các cơ quan (Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, cơ quan đề xuất, cơ quan kiểm tra, cơ quan thẩm định, cơ quan giám sát thực hiện điều ước quốc tế); khắc phục những bất cập trong pháp luật hiện hành và thực trạng của công tác về điều ước quốc tế, qua đó góp phần tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế của Việt Nam, thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, phục vụ xây dựng và phát triển đất nước.

Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thể hiện rõ chủ trương của Việt Nam coi trọng hợp tác với cộng đồng quốc tế với phương châm "Việt Nam sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy",

(*) Luật này thay thế Pháp lệnh ngày 20/8/1998 về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế

đồng thời khẳng định rõ cam kết của Việt Nam tuân thủ và bảo đảm thực hiện các thỏa thuận nhân danh Nhà nước và nhân danh Chính phủ Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế. Các quy định cụ thể của luật về việc tuân thủ và thực hiện điều ước quốc tế, góp phần tạo thuận lợi cho tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, đặc biệt là việc Việt Nam tham gia các thể chế kinh tế quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)... Luật cũng bảo đảm sự tương thích với các quy định trong Công ước Vienna về Luật điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc thực hiện điều ước quốc tế đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó chính là quá trình điều chỉnh pháp luật Việt Nam cho phù hợp với pháp luật quốc tế. Quá trình này hết sức quan trọng khi chúng ta thực hiện chính sách hội nhập quốc tế, đặc biệt là khi Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của WTO.

WTO được biết đến như là thiết chế quốc tế đa biên, vận hành trên cơ sở kinh tế thị trường. Hệ thống luật lệ của WTO khá đồ sộ, phức tạp hội tụ các tư tưởng, trường phái pháp luật khác nhau, đòi hỏi được thiết kế để quản trị một cơ chế đa biên vận hành theo các nguyên tắc của kinh tế thị trường (1). Việc Việt Nam đã được kết nạp vào WTO như một bằng chứng cho thấy các văn bản pháp luật của ta không mâu thuẫn với cam kết với WTO(*).

Việc tuân thủ các cam kết với WTO có thể nhìn thấy từ việc hoàn thiện hệ thống pháp luật. Số lượng văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới sẽ không còn nhiều. Đến nay, về cơ bản hệ thống pháp luật của Việt Nam đã tương thích với các nguyên tắc cơ bản của WTO. Tại kỳ họp thứ 10 vừa qua, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập WTO. Kèm theo Nghị quyết có Phụ lục về nội dung áp dụng trực tiếp các cam kết của Việt Nam. Đó là những cam kết khác với các văn bản luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp, Luật về luật sư, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Điện ảnh). Ngoài ra, theo lộ trình cam kết, một số quy định trong một số luật không phù hợp với quy định của WTO sẽ được sửa đổi, bổ sung như Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, Bộ luật Hình sự, Luật Xuất bản, ban hành Luật Thi hành án. Quốc hội đã có nghị quyết giao Chính phủ, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO.

Tuy số lượng luật, pháp lệnh phải sửa đổi không nhiều nhưng còn có một

(*) Chúng ta chỉ có thể khẳng định một cách tương đối. Đó là vì, để chấp hành nghiêm chỉnh các luật lệ của WTO là thách thức không nhỏ trong hoạt động pháp luật của Việt Nam. Trong quá trình thực hiện cam kết gia nhập WTO chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng những đòi hỏi của pháp luật WTO.

số vấn đề pháp luật cần tiếp tục nghiên cứu xử lý tiếp. Chẳng hạn khái niệm "thương mại" trong luật pháp quốc tế được hiểu theo nghĩa rất rộng. Trong khi đó, pháp luật thương mại Việt Nam lại có quan niệm hẹp về vấn đề này và điều này trên thực tế đã làm phát sinh không ít phức tạp. Hay so sánh các quy định của WTO về đối xử quốc gia (NT) với các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan có thể thấy pháp luật hiện hành của Việt Nam đã có quy định về NT trong một mức độ rất chung trong một văn bản Pháp lệnh công bố năm 2002. Trong khi đó, Việt Nam chưa có một văn bản nào giải thích về khái niệm đó, về nội hàm của nó, cũng như cơ chế vận hành, áp dụng NT. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn chưa có quy định hướng dẫn cụ thể về việc xác định và cách thức áp dụng thuế chống bán phá giá, trợ cấp và tự vệ theo quy định của WTO. Bên cạnh đó, một loạt quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; pháp luật về đầu tư; tính minh bạch, công khai, giải quyết tranh chấp thương mại theo WTO cũng cần được nghiên cứu để làm rõ phù hợp với các quy định của WTO.

Để có thể chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ của WTO và các cam kết của Việt Nam với WTO, Việt Nam phải thừa nhận các nguyên tắc của hệ thống thương mại toàn cầu. Trong quá trình hoạt động pháp luật, thực thi các cam kết quốc tế, các nguyên tắc, quy định pháp luật thương mại quốc tế của WTO phải được áp dụng cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, thương mại mà Việt Nam điều tiết (2). Tuy vậy, cần ưu tiên cải cách pháp luật thực hiện sớm một số yêu cầu của WTO như thương mại không phân biệt đối xử; thương mại ngày càng tự do hơn thông qua thương lượng; nguyên tắc ổn định trong thương mại và có thể dự báo được các rủi ro; nguyên tắc khuyến khích cạnh tranh lành mạnh; nguyên tắc đẩy mạnh cải cách kinh tế và phát triển. Ngoài những nguyên tắc nói trên, WTO còn có nhiều quy định, quy tắc, thể lệ và các quyết định khác khá phức tạp mà các thành viên WTO phải tuân theo.

Chính vì thế, việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật phải dựa vào các nguyên tắc của hệ thống thương mại toàn cầu, chuyển hóa các nguyên tắc, quy định pháp luật về kinh doanh trên thương trường quốc tế cũng như các nghĩa vụ pháp lý khác của WTO vào các văn bản pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, cần hết sức chú ý để tránh những xung đột kinh tế, tranh chấp thương mại có thể phát sinh với các nước thành viên khác. Điều này cho thấy, các yếu tố và cơ chế tạo khả năng thích ứng của Việt Nam sau khi được gia nhập WTO trước tiên phải là tạo khả năng cho Chính phủ và các cơ quan Nhà nước Việt Nam thích ứng với WTO và cơ chế thị trường hiện đại.

Bên cạnh việc nghiêm chỉnh chấp hành các luật lệ của WTO, Việt Nam còn phải nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết với WTO, đặc biệt là các cam kết về mở cửa thị trường hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam cho các thành viên WTO, theo đó, sẽ có những thay đổi lớn trong cắt giảm thuế quan, loại bỏ mạnh các biện pháp phi thuế quan trong thương mại hàng hoá. Có thể thấy rằng nếu nhìn vào góc độ nguồn thu ngân sách thì thuế xuất nhập khẩu không phải là nguồn thu chính mà cần có cải cách pháp luật về thuế để tăng

thu trên chính sự phát triển của các doanh nghiệp đồng thời mở rộng thêm các nguồn thu khác.

Gia nhập WTO phải nhằm vào mục đích không ngừng mở rộng thị trường đồng thời phải bảo hộ nền sản xuất công, nông nghiệp, dịch vụ còn non trẻ của nước nhà. Chính vì thế, cải cách pháp luật và thực thi các cam kết quốc tế với WTO ở đây cần phải theo hướng bảo hộ cho các ngành kinh tế trong nước phát triển, nhưng phải phù hợp với luật lệ của WTO. Ngay từ bây giờ, cần tích cực nghiên cứu áp dụng các quy định mà WTO cho phép để bảo hộ thoả đáng các ngành kinh tế trong nước theo các điều kiện và quy chế thành viên WTO của Việt Nam, kể cả cơ chế chống bán phá giá, chống trợ cấp và chống các biện pháp phân biệt đối xử trong thương mại và các biện pháp thương mại không lành mạnh khác (3, 4).

2. Yêu cầu chung của việc sửa đổi pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật Việt Nam bắt nguồn trước tiên từ chính sự phát triển nội tại của đất nước. Đến giai đoạn này, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đặt ra các yêu cầu buộc chúng ta phải có những bước đi bứt phá mới có thể đạt được những gì mà thực tiễn đang chờ đợi.

Các chương trình hành động lập pháp của Việt Nam được xây dựng định hướng dựa trên ba tiêu chí chủ yếu sau đây:

- Một là, đảm bảo tính khả thi trong điều kiện lập pháp của Việt Nam và phải gắn kết với Chương trình xây dựng pháp luật 5 năm và hàng năm của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã được thông qua và các Chương trình, kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật dưới luật của Chính phủ.

- Hai là, Chương trình hành động lập pháp này được xây dựng dựa trên cơ sở các kết quả rà soát pháp luật phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO của Việt Nam được các cơ quan liên quan tiến hành từ năm 2000 và liên tục cập nhật theo kết quả đàm phán gia nhập WTO cho đến nay. Các kết quả rà soát này phản ánh nhu cầu nội tại của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển đất nước ta trong thời gian gần đây. Mặt khác, nó cũng phản ánh yêu cầu của thực tiễn thương mại quốc tế, yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đối với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam khi nước ta tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và đặc biệt là WTO. Chương trình xây dựng pháp luật phục vụ gia nhập WTO thời gian qua còn được xây dựng trên cơ sở giả định lộ trình gia nhập WTO của Việt Nam là vào cuối năm 2006 và có gắn kết với sức ép của các chương trình và kế hoạch xây dựng pháp luật của Quốc hội, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ về các lĩnh vực khác như văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, bảo vệ pháp luật... của đất nước.

- Ba là, Chương trình hành động lập pháp cũng phải tính đến các yêu cầu cụ thể của các nước thành viên WTO đối với Việt Nam trong quá trình đàm phán; kinh nghiệm của Việt Nam trong thực hiện các cam kết trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, ASEAN, APEC..., cũng như kinh

nghiệm quốc tế về vấn đề này (5).

Nghị quyết 71/2006/QH11 là văn bản quy phạm pháp luật được ban hành nhằm phê chuẩn Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam. Theo Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế thì đó là hành vi pháp lý do Quốc hội thực hiện để chấp nhận sự ràng buộc của Điều ước quốc tế đã ký với Việt Nam (khoản 7 Điều 2). Đó là chức năng chính của loại nghị quyết này. Tuy nhiên, cũng theo Luật này, khi chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế, căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của điều ước quốc tế, Quốc hội đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đó đủ rõ, chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế đó (khoản 3 Điều 6; khoản 3 Điều 33). Còn Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2002 quy định văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng một văn bản quy phạm pháp luật do chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó (Điều 9), mà không quy định hình thức của văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ phải có cùng hình thức với văn bản quy phạm pháp luật bị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ hay không. Vì trong trường hợp Nghị quyết 71/2006/QH11, rõ ràng Quốc hội đã không sử dụng quyền sửa đổi bổ sung văn bản quy phạm pháp luật khác. Bởi mục 2 Nghị quyết này quy định như sau: "*Áp dụng trực tiếp các cam kết của Việt Nam được ghi tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này và các cam kết khác của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới được quy định đủ rõ, chi tiết trong Nghị định thư, các Phụ lục đính kèm và Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại thế giới*". Như vậy, Phụ lục chỉ có nhiệm vụ ghi lại các cam kết, chứ không sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật khác. Trường hợp Quốc hội có ý định sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật khác thì phải tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

3. Kiến nghị về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, theo chúng tôi, cần có nhận thức đúng về mối tương quan giữa pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, và phải có những biện pháp để điều chỉnh pháp luật Việt Nam cho phù hợp với pháp luật quốc tế.

1. Trong quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực hiện nay, chúng ta cần có quan điểm đúng về pháp luật quốc tế: Luật quốc tế được ưu tiên áp dụng so với pháp luật Việt Nam. Những cam kết quốc tế cần phải thực hiện theo đúng yêu cầu của nguyên tắc Pasta Sunt Serbanda, mà theo đúng quy định của Công ước Vienna năm 1969 về Điều ước quốc tế đã khái quát hóa nguyên tắc này như sau: "Mỗi điều ước khi có hiệu lực sẽ có giá trị ràng buộc đối với tất cả

các bên tham gia nó và các bên cần phải nghiêm chỉnh thực hiện". Như vậy, các bên tham kết của một điều ước nào đó phải có nghĩa vụ tận tâm thực hiện những điều, những khoản mà mình đã thỏa thuận. Tận tâm thực hiện có nghĩa là không được thực hiện hình thức mà phải thi hành thực chất, trung thực các nghĩa vụ điều ước của mình. Thực hiện thực chất, trung thực có nghĩa là quốc gia có nghĩa vụ bằng mọi biện pháp cần thiết thực hiện tất cả các quy định của điều ước phù hợp với mục đích và nguyên tắc của nó trong hoạt động của mình. Nguyên tắc Pasta Sunt Servanda đòi hỏi các bên phải tôn trọng tất cả các quy phạm tập quán quốc tế đã được công nhận chung trong việc thực thi các nghĩa vụ điều ước.

2. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa quy định rõ ràng về việc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có vị trí như thế nào trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong nước. Song trên thực tế, chúng ta đã thừa nhận rằng, các quy phạm của điều ước quốc tế sau khi được chuyển hoá thì trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của pháp luật quốc gia. Đây là quan điểm được các cơ quan nhà nước, các nhà khoa học và nghiên cứu luật pháp nhận thức tương đối thống nhất. Do đó, điều ước có một vị trí đặc biệt trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

3. Khi đã ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế thì cần coi các điều ước đó là bộ phận của pháp luật Việt Nam. Các cơ quan hành chính nhà nước và tòa án có thể viện dẫn trực tiếp các quy định của điều ước quốc tế. Công dân cũng có quyền viện dẫn trực tiếp các điều khoản của điều ước quốc tế để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vấn đề này cần được quy định trong Hiến pháp thành một điều trong chương V về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nếu sau này Nhà nước ta sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992.

4. Cần phải xác định luật quốc tế không chỉ bao gồm các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, gia nhập, tham gia. Luật quốc tế bao gồm các quy phạm điều ước và các quy phạm tập quán quốc tế(*). Do vậy cần phải nói tới việc ưu tiên áp dụng pháp luật quốc tế (bao gồm cả điều ước quốc tế và tập quán quốc tế) so với việc áp dụng pháp luật quốc gia, chứ không thể chỉ nói tới ưu tiên áp dụng các điều ước quốc tế mà Việt Nam là bên tham gia.

5. Cần triệt để thực hiện cam kết gia nhập WTO: "*mỗi thành viên phải đảm bảo sự thống nhất giữa các luật, quy định và các thủ tục hành chính với những nghĩa vụ của mình được quy định trong các Hiệp định*".

6. Để điều chỉnh pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế cần ban hành các đạo luật có thể áp dụng trực tiếp, hạn chế việc ban hành các nghị định độc lập của Chính phủ, hạn chế dẫn tới không ban hành các nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các đạo luật do Quốc hội ban hành, hạn chế và tiến tới không ban hành pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thay vì việc ban hành các nghị định độc lập, các pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần ban hành các đạo luật của Quốc hội có hiệu lực thi hành trực

(*) Trong nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam hiện nay còn thể hiện việc coi trọng điều ước quốc tế hơn so với tập quán quốc tế, trong khi đó, trong pháp luật quốc tế điều ước quốc tế và tập quán quốc tế được coi là hai nguồn cơ bản, có giá trị như nhau.

tiếp. Như vậy, cần sửa đổi những quy định hiện hành của Hiến pháp năm 1992 về chức năng của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chức năng của Chính phủ và sửa đổi Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ.

7. Cần coi án lệ là nguồn luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam(*). Tất cả các bản án, quyết định của tòa án các cấp, các quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước đều được công khai, trừ những trường hợp cần phải giữ bí mật Nhà nước.

8. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức thực thi pháp luật.

Đào tạo cán bộ thực thi pháp luật có kiến thức về pháp luật quốc tế, về hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực. Hiện nay việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục điều ước quốc tế của chúng ta còn quá yếu. Đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện tốt việc in ấn, phát hành Niên giám điều ước quốc tế của Việt Nam đều đặn, rộng rãi. Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là bên tham gia hầu như rất khó tìm, không được phổ biến rộng rãi, thậm chí đối với các cán bộ nghiên cứu cũng rất khó tiếp cận một cách đầy đủ. Cần xây dựng một website, đăng tải tất cả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là bên tham gia, để bất cứ ai cũng có thể tiếp cận được một cách dễ dàng. Website này do Bộ Ngoại giao phụ trách.

(*) Hiện nay chúng ta chưa coi án lệ là nguồn luật. Hệ thống common law coi án lệ là nguồn luật quan trọng và hệ thống này đang ảnh hưởng tới các hệ thống pháp luật trên thế giới. Việc Tòa án Nhân dân Tối cao cho xuất bản các tập bản án, quyết định của tòa án có thể được coi là sự chấp nhận từng bước án lệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Jean-Luc Florent. Kỷ yếu hội thảo về thẩm định điều ước quốc tế và chuyển hoá quy phạm điều ước quốc tế vào nội luật. Hà Nội, tháng 10/1999.

2. Hoàng Phước Hiệp. Góp phần nghiên cứu chủ quyền quốc gia trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Tạp chí *Dân chủ và Pháp luật*, số 3/2004

3. Bộ Tư pháp. Kết quả rà soát, đối chiếu Hiệp định thương mại Việt Nam-Hoa kỳ với các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam hiện hành. 2001.

4. Bộ Tư pháp. Kết quả rà soát đối chiếu các quy định của WTO với pháp luật Việt Nam hiện hành. 2003.

5. Hoàng Phước Hiệp. Nội luật hóa các quy phạm điều ước quốc tế như thế nào? Báo *Pháp luật* ngày 03/7/2003.

6. Vũ Đức Long. Vấn đề nội luật hoá pháp luật quốc tế ở Việt Nam – Tài liệu nghiên cứu (Bộ Tư pháp).

7. Báo cáo chuyên đề về các lĩnh vực của khung pháp luật kinh tế tại Việt Nam. T.3, Dự án VIE/94/003 "Tăng cường năng lực pháp luật tại Việt Nam". H.: 1998.

8. Ngô Đức Mạnh. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chuyển hóa điều ước quốc tế vào pháp luật quốc gia. Tạp chí *Nhà nước và Pháp luật*, số 4/2003

9. Website của Tổ chức Thương mại Thế giới: www.wto.org